

MỤC LỤC

SỐ ĐẶC BIỆT HỘI NGHỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC HUẾ MỞ RỘNG NĂM 2026

1.	Khảo sát mối liên quan giữa nồng độ HBsAg huyết thanh và một số đặc điểm cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm gan B mạn tính Assessment of the association between serum HBsAg levels and selected laboratory parameters in patients with chronic hepatitis B <i>Nguyễn Thị Huyền, Phan Thị Minh Phương, Trần Xuân Chương, Nguyễn Vũ Thành, Ngô Viết Quỳnh Trâm, Lê Thị Bảo Chi, Trần Thị Kim Loan, Phạm Thanh Tường, Trần Thị Bích Ngọc, Trương Thị Bích Phương</i>	15-23
2.	Nghiên cứu nồng độ Interleukin-6 huyết thanh ở bệnh nhân nhiễm virus viêm gan B mạn tính Study on the concentration of serum Interleukin-6 in patients with chronic hepatitis B virus infection <i>Nguyễn Thị Phước, Phan Thị Minh Phương, Trương Thị Bích Phương, Trần Thị Kim Loan, Nguyễn Thị Huyền, Trần Thị Bích Ngọc</i>	24-30
3.	Kết quả lâm sàng sớm của phẫu thuật HoLEP nguyên khối theo tiếp cận giải phẫu trong điều trị tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt Early clinical outcomes of anatomical en bloc HoLEP in the management of benign prostatic hyperplasia <i>Dương Thế Anh, Lê Phước Thành, Nguyễn Nhật Minh, Lê Đình Khánh</i>	31-39
4.	Chọn lựa vị trí chọc dò vào thận trong lấy sỏi thận qua da đường hầm nhỏ tư thế nằm nghiêng dưới hướng dẫn của siêu âm và C-arm Selection of puncture site into the kidney in mini-percutaneous nephrolithotomy in lateral position under ultrasound and C-arm guidance <i>Lê Đình Khánh, Nguyễn Nhật Minh, Lê Đình Đạm, Nguyễn Xuân Mỹ</i>	40-47
5.	Ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo trong phân tích mức độ phân mảnh DNA tinh trùng trước trữ lạnh và sau rã đông ở các trường hợp nam giới vô sinh Application of an Artificial Intelligence-Based platform for assessing sperm DNA fragmentation before and after cryopreservation in infertile men <i>Đặng Thị Hồng Nhạn, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Đức Nguyễn, Lê Minh Tâm</i>	48-57
6.	Nghiên cứu khả năng nuôi cấy đến giai đoạn phôi nang ở phụ nữ dưới 35 tuổi có số noãn trưởng thành ít hơn 5 Development to the blastocyst stage in women under 35 years with fewer than five mature oocytes <i>Nguyễn Văn Trung, Lê Minh Tâm</i>	58-67
7.	So sánh hiệu quả của Laser Diode bước sóng 660 nm và 810 nm sau phẫu thuật răng khôn hàm dưới Comparative effectiveness of 660 nm and 810 nm diode laser therapy following mandibular third molar surgery: A randomized split-mouth clinical trial <i>Đặng Minh Huy, Cung Thiện Hải, Hoàng Anh Đào, Nguyễn Văn Minh, Trần Tấn Tài</i>	68-74

8.	Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến khả năng kiểm soát đường huyết ở người bệnh đái tháo đường típ 2 tại Bệnh Viện Trường Đại học Y - Dược Huế Factors associated with glycemic control among patients with type 2 diabetes mellitus at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Dương Thị Ngọc Lan, Lê Văn An, Hoàng Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Mỹ Diệu</i>	75-83
9.	Phân tích dựa trên dữ liệu lớn về mô hình bệnh tật và xu hướng tiêu thụ kháng sinh tại Việt Nam giai đoạn 2024 - 2025 Big data analytics on disease patterns and antibiotic consumption trends in Vietnam, 2024 - 2025 <i>Trần Khánh Toàn, Trần Đình Bình</i>	84-89
10.	Đánh giá kết quả áp dụng các yếu tố tăng cường hồi phục sau phẫu thuật (ERAS) trong phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại tràng Evaluation of enhanced recovery after surgery (ERAS) protocol in laparoscopic surgery for colon cancer <i>Đoàn Phước Vững, Nguyễn Huy Tuấn, Nguyễn Minh Thảo, Phạm Anh Vũ</i>	90-98
11.	Đánh giá chất lượng cuộc sống theo thang điểm carolinas ở bệnh nhân được phẫu thuật nội soi điều trị bệnh lý thoát vị bẹn hai bên Evaluation of quality of life using the carolinas comfort scale in patients undergoing laparoscopic repair for bilateral inguinal hernia <i>Phan Đình Tuấn Dũng, Nguyễn Thanh Xuân, Phạm Anh Huy</i>	99-107
12.	Ứng dụng mã vạch DNA vùng ITS tự động trong định danh nấm <i>Candida</i> : Tiềm năng ứng dụng trong kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện Automated ITS DNA barcoding pipeline for <i>Candida</i> identification: Potential applications for hospital infection control <i>Trần Tuấn Khôi, Trần Đình Bình, Nguyễn Viêt Tú, Hoàng Lê Bích Ngọc, Võ Văn Minh Quân, Kittipan Samerpitak</i>	108-117
13.	Kết quả điều trị thoát vị vết mổ thành bụng đường giữa bằng phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc mở rộng trường quan sát - Rives-Stoppa (eTEP-RS) Outcomes of Enhanced-View Totally Extraperitoneal Rives-Stoppa for midline incisional hernia repair <i>Nguyễn Thành Phúc, Phạm Minh Đức, Nguyễn Thanh Xuân</i>	118-124
14.	Đánh giá kết quả ứng dụng đầu dò siêu âm âm đạo và kênh dẫn đường tự tạo trong sinh thiết tiền liệt tuyến qua ngã trực tràng trong chẩn đoán ung thư tiền liệt tuyến Evaluation of the outcomes of using a vaginal ultrasound probe combined with a self-created guidance channel in transrectal prostate biopsy for the diagnosis of prostate cancer <i>Lê Đình Đạm, Nguyễn Xuân Mỹ, Nguyễn Nhật Minh, Lê Đình Khánh</i>	125
15.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm gan virus B mạn chưa điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam Epidemiological and biochemical and virological characteristics of treatment-naive patients with chronic hepatitis B virus infection at Quang Nam Regional General Hospital <i>Lê Minh Niên, Ngô Thị Hiền Trang, Phan Đức Thái Duy</i>	131-137

16.	Đánh giá kết quả điều trị viêm nha chu không phẫu thuật có sử dụng melatonin và vitamin C Clinical evaluation of non-surgical periodontal therapy with adjunctive use of melatonin and vitamin C <i>Nguyễn Thị Thanh Hoàng, Trần Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo</i>	138-145
17.	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư trực tràng cao sau phẫu thuật nội soi cắt mạc treo trực tràng đặc hiệu theo u (TSME) Quality of life in patients with upper rectal cancer undergoing laparoscopic tumor-specific mesorectal excision (TSME) <i>Nguyễn Ngọc Sơn, Phạm Anh Vũ, Nguyễn Văn Hải Vân, Nguyễn Phước Khánh, Cao Xuân Thạnh, Nguyễn Thanh Hùng</i>	146-154
18.	Đánh giá kết quả sớm điều trị suy tĩnh mạch nông chi dưới mạn tính bằng laser nội tĩnh mạch tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Early outcomes of endovenous laser ablation for the treatment of chronic superficial venous insufficiency at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Nguyễn Vũ Phòng, Dương Minh Quý, Hoàng Anh Tiến</i>	155-160
19.	Nghiên cứu tỷ lệ viêm phổi nặng và các yếu tố liên quan ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi tại Khoa Nhi, Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa Research on prevalence of severe pneumonia and associated factors among children aged 2 months to 5 years at the Department of Pediatrics, Quy Hoa Central Hospital of Leprosy and Dermatology <i>Đoàn Phước Thuộc, Lê Thị Thơm, Nguyễn Thị Hường</i>	161-168
20.	Thực trạng lo âu trước phẫu thuật và các yếu tố liên quan ở người bệnh phẫu thuật tiêu hóa tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Prevalence of preoperative anxiety and associated factors among patients undergoing gastrointestinal surgery at Da Nang Oncology Hospital <i>Nguyễn Hồ Anh Thư, Phạm Thị Ngân, Lê Thị Ánh Tuyết</i>	169-177
21.	Chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan của người bệnh đau lưng do thoái hóa cột sống thắt lưng điều trị tại Bệnh viện C Đà Nẵng Quality of life and associated factors in patients with low back pain due to lumbar spondylosis treated at Da Nang C Hospital <i>Đặng Thị Tuyết, Trương Thị Ái Nhân</i>	178-184
22.	Đánh giá hiệu lực của toán đồ Young Academic Urologists trong tiên lượng kết quả cắt tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi niệu đạo Evaluation of the efficacy of the Young Academic Urologists' nomogram in predicting outcomes of transurethral resection of the prostate for benign prostatic hyperplasia <i>Nguyễn Nhật Minh, Dương Quang Cường, Nguyễn Đặng Đình Thi, Nguyễn Xuân Mỹ, Lê Đình Đạm, Trần Quý Đôn, Nguyễn Khoa Hùng, Lê Đình Khánh</i>	185-191
23.	Nghiên cứu kiến thức, thái độ sử dụng thuốc chống đông máu đường uống ở bệnh nhân rung nhĩ điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trung ương Huế Knowledge, attitude toward oral anticoagulants among outpatients with atrial fibrillation at Hue Central Hospital <i>Phạm Thị Quỳnh Như, Lê Chuyền</i>	192-201

24.	Rối loạn cương dương và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân nam có hậu môn nhân tạo tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Erectile dysfunction and associated factors in male patients with a stoma at Da Nang Oncology Hospital <i>Phạm Thị Ngân, Lê Thị Ánh Tuyết, Hà Thị Huyền Trang</i>	202-209
25.	Phân tích dạng sai sót và tác động (FMEA) trong cải tiến chất lượng bệnh viện và nâng cao an toàn người bệnh: Tổng quan hệ thống Application of failure mode and effects analysis in hospital quality improvement and patient safety enhancement: A systematic review <i>Nguyễn Văn Tài, Dương Thị Ngọc Lan</i>	210-219
26.	Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc dự phòng thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch trên bệnh nhân phẫu thuật chỉnh hình chi dưới tại Bệnh viện Đà Nẵng Utilization of pharmacological prophylaxis for venous thromboembolism in patients undergoing lower extremity orthopedic surgery at Da Nang Hospital <i>Đoàn Thị Minh Diệu, Lê Chuyên</i>	220-229
27.	Đánh giá kết quả tạo hình khuyết hổng phần mềm trong phẫu thuật khối u vùng mặt bằng vật tại chỗ Evaluation of soft tissue defect reconstruction using local flaps in facial tumor surgery <i>Nguyễn Ngọc Hưng Duy, Trần Tấn Tài, Hoàng Minh Phương, Nguyễn Trần Thúc Huân, Nguyễn Văn Cầu, Nguyễn Văn Minh, Hoàng Vũ Minh, Đặng Minh Huy, Lê Văn Nhật Thắng, Võ Khắc Tráng, Nguyễn Hoàng Lâm</i>	230-238
28.	Ứng dụng phác đồ phục hồi sớm sau phẫu thuật (ERAS) trong phẫu thuật nội soi xuyên phúc mạc tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản ở trẻ em tại Bệnh viện Trung ương Huế Application of the enhanced recovery after surgery (ERAS) protocol in pediatric transperitoneal laparoscopic pyeloplasty at Hue Central Hospital <i>Mai Trung Hiếu, Phạm Như Hiệp, Nguyễn Nhật Minh</i>	239-244
29.	Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị của động tác dưỡng sinh Nguyễn Văn Hưởng trong Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính thể Phế Thận hư Evaluation of the effects of Nguyen Van Huong's Yang-sheng exercises as an adjunct therapy in patients with chronic obstructive pulmonary disease with the Fei-Shen Xu pattern <i>Nguyễn Quốc An Vinh, Vũ Văn Sơn, Đỗ Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Hà Anh, Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Phạm Thị Hương, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Nguyễn Hoài Văn, Trần Khánh Ly, Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên, Nguyễn Văn Hưng</i>	245-251
30.	Khảo sát mối liên quan giữa nồng độ hs-Troponin T huyết thanh với đặc điểm lâm sàng của bệnh tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh Serum hs-Troponin T levels and their association with clinical characteristics of congenital heart disease in neonates <i>Phan Phước Thùy Nhi, Phan Hùng Việt, Trần Kiêm Hào, Hoàng Mai Linh, Nguyễn Thị Thảo Trinh, Nguyễn Nôm</i>	252-258
31.	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật điều trị bệnh lý nứt kẽ hậu môn mạn tính Early outcomes of surgical treatment for chronic anal fissure <i>Nguyễn Đoàn Văn Phú, Dương Hồ Thảo Nhi</i>	259-264

32.	Khảo sát tình trạng rối loạn cương dương và rối loạn xuất tinh của bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt được điều trị nội khoa Erectile and ejaculatory dysfunction in patients with benign prostatic hyperplasia undergoing medical therapy <i>Võ Minh Nhật, Lê Đình Đạm, Nguyễn Xuân Mỹ, Nguyễn Đức Anh Quân, Nguyễn Khoa Hùng, Lê Đình Khánh, Nguyễn Trường An, Nguyễn Nhật Minh</i>	265-270
33.	Nghiên cứu kết cục thai kỳ ở sản phụ vị thành niên đến sinh tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Pregnancy outcomes among adolescent mothers delivering at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Hồ Ngọc Đức, Phan Đức Thái Duy, Nguyễn Đăng Lưu, Nguyễn Thị Kim Anh</i>	271-277
34.	Khảo sát hội chứng tiết niệu - sinh dục ở phụ nữ quanh mãn kinh theo thang điểm DIVA Evaluating genitourinary syndrome of menopause in perimenopausal women using the DIVA scale <i>Lê Lam Hương, Nguyễn Thị Thu Thảo, Võ Hoàng Lâm, Lê Minh Tâm, Nguyễn Võ Thuỳ Tiên, Trần Thiện Thành</i>	278-284
35.	Khảo sát một số tác nhân ký sinh trùng đường tiêu hóa của động vật có khả năng truyền sang người ở thành phố Huế Investigation of selected gastrointestinal parasites involved in zoonoses in Hue city <i>Võ Minh Tiếp, Ngô Thị Minh Châu, Daria Sanna, Tôn Nữ Phương Anh, Trần Thị Giang, Nguyễn Phước Vinh, Hà Thị Ngọc Thuý, Đỗ Thị Bích Thảo, Tôn Thất Đông Dương, Phạm Nhật Minh</i>	285-292
36.	Năng lực lâm sàng của điều dưỡng và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Clinical competence of nurses and associated factors at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Dương Thị Hồng Liên, Nguyễn Viết Tứ, Trương Thị Hân, Nguyễn Thị Thành, Dương Thị Diệu Hương</i>	293-299
37.	Giá trị tiên lượng của chỉ số phản ứng viêm toàn thân (SIRI) trước điều trị đối với thời gian sống thêm ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ điều trị bằng EGFR-TKI thế hệ 1 Prognostic value of pretreatment systemic inflammation response index (SIRI) for survival in patients with advanced non-small cell lung cancer treated with first-generation EGFR-TKIs <i>Trần Hữu Hải Đăng, Phan Phước Lộc, Hồ Xuân Dũng, Đặng Hoàng An, Phan Thị Đỗ Quyên, Nguyễn Văn Cầu, Nguyễn Thị Thủy</i>	300-306
38.	Nghiên cứu nồng độ leptin ở người đến khám sức khỏe tại Bệnh viện Trung ương Huế Serum leptin levels in individuals attending health check-ups at Hue Central Hospital <i>Hoàng Thị Lan Hương, Trần Hữu Dàng, Lê Văn Chi</i>	307-314

39.	Nghiên cứu ứng dụng chỉ số TAD và CalTAD trong đánh giá kết quả điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi bằng đinh PFNA Clinical application of tip–apex distance (TAD) and calcar-referenced tip–apex distance (CalTAD) in evaluating treatment outcomes of intertrochanteric femoral fractures treated with proximal femoral nail antirotation (PFNA) <i>Trần Nhật Tiến, Nguyễn Gia An, Hoàng Bảo Minh Châu, Lê Mỹ Duyên, Tôn Thất Nhật Bình, Vũ Thị Kim Kiều</i>	315-322
40.	Giá trị nhũ ảnh cắt lớp trong chẩn đoán ung thư vú ở mô vú đặc Diagnostic value of digital breast tomosynthesis in dense breasts <i>Lê Thị Kim Cúc, Hoàng Thị Ngọc Hà, Trần Thị Hoài Thương, Phạm Thị Diễm Thúy</i>	323-329
41.	Vai trò nội soi túi tinh qua đường niệu đạo trong chẩn đoán và điều trị xuất tinh máu kháng trị: một số trường hợp lâm sàng và tổng quan y văn The role of transurethral seminal vesiculoscopy in the diagnosis and treatment of intractable hematospermia: From literature review to a case series <i>Nguyễn Khoa Hùng, Võ Minh Nhật, Lê Đình Khánh, Nguyễn Nhật Minh</i>	330-336
42.	Rào cản về thái độ trong kiểm soát đau do ung thư và các yếu tố liên quan Attitudinal barriers to cancer pain management and associated factors <i>Lê Thị Thanh Tuyền, Trần Hoàng Khánh Minh, Nguyễn Thanh Quang</i>	337-343
43.	Đặc điểm tổn thương tim ở bệnh nhân lupus ban đỏ hệ thống Characteristics of cardiac involvement in patients with systemic lupus erythematosus <i>Phạm Minh Trãi, Phan Linh Thảo, Bùi Văn Huấn, Trần Hoài Phương, Nguyễn Thị Phương Thủy, Lê Thúc Hùng, Võ Tam, Nguyễn Thị Hà My</i>	344-352
44.	Giá trị mô hình dự đoán nguy cơ mổ lấy thai ở sản phụ mang thai con so nguy cơ thấp Predictive value of a model for cesarean delivery risk in low-risk nulliparous women <i>Nguyễn Trần Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Mai Phương</i>	353-360
45.	Nghiên cứu tuân thủ sử dụng thuốc theo thang điểm ACDS và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân suy tim điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Study on medication adherence using the ACDS scale and associated factors among outpatients with heart failure at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Nguyễn Thị Thuỳ Linh, Hoàng Anh Tiến, Nguyễn Hoàng Lan</i>	361-371
46.	Đánh giá kết quả chăm sóc sau mổ thay khớp háng ở người cao tuổi tại Khoa Ngoại Chấn thương Chỉnh hình - Lồng ngực, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Evaluation of postoperative care outcomes following hip arthroplasty in elderly patients at the Department of Orthopedic and Thoracic Surgery, Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Nguyễn Đăng Lưu, Phan Đức Thái Duy, Hồ Ngọc Đức, Mai Bá Hải, Hồ Duy Bình</i>	372-379